

Số: 89 /BC-UBND

Yết Kiêu, ngày 20 tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO

Phương án điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công vốn 5 năm 2021-2025, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025; Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2025; Dự kiến Kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công năm 2026 xã Yết Kiêu
(Tài liệu trình Kỳ họp thứ 3 - Hội đồng nhân dân xã khoá I)

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương về Quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã về kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương 5 năm 2021-2025; Ủy ban nhân dân xã Yết Kiêu báo cáo Phương án điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công vốn 5 năm 2021-2025, bổ sung kế hoạch vốn năm 2025; Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2025; Dự kiến Kế hoạch phân bổ đầu tư công năm 2026 xã Yết Kiêu. Cụ thể như sau:

I. Phương án điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công vốn 5 năm 2021-2025, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 (vốn ngân sách cấp xã)

Căn cứ Văn bản số 3779/STC-THQH ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Sở Tài chính tỉnh Hải Dương (cũ) về việc hướng dẫn rà soát, lập hồ sơ đề xuất bàn giao danh mục dự án, kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025, kế hoạch đầu tư công năm 2025 trong quá trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp; Căn cứ tình hình thực tế triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư

công 5 năm giai đoạn 2021-2025 của Ủy ban nhân dân các xã trước khi thực hiện tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp để bàn giao nhiệm vụ kế hoạch đầu tư công về xã mới tiếp tục thực hiện một số công trình đã bố trí vốn nhưng không đủ điều kiện thanh toán cần điều chỉnh.

Trên cơ sở kết quả rà soát, Ủy ban nhân dân xã điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công cho phù hợp với tình hình thực tế, cụ thể như sau:

1. Tình hình kế hoạch vốn đầu tư công NSDP 5 năm 2021-2025 (vốn ngân sách cấp xã).

Tổng Kế hoạch vốn ngân sách địa phương 5 năm 2021-2025 (vốn ngân sách cấp xã) được Hội đồng nhân dân xã phân bổ tại các Nghị quyết đầu năm và các lần điều chỉnh, bổ sung: 107.988,6 triệu đồng/93 dự án, công trình. Bao gồm:

- Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã: 28.963,8 triệu đồng;
- Nguồn vốn ngân sách huyện hỗ trợ: 25.932,5 triệu đồng;
- Nguồn bổ sung có mục tiêu ngân sách tỉnh: 53.092,3 triệu đồng.

2. Phương án điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công vốn 5 năm 2021-2025

Trên cơ sở tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 và phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2025; căn cứ các quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn, để bảo đảm không gián đoạn trong thực hiện kế hoạch đầu tư công và phù hợp với mô hình tổ chức đơn vị hành chính mới, Ủy ban nhân dân xã đề xuất phương án điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công vốn 5 năm 2021-2025, như sau:

2.1. Đề nghị giữ nguyên kế hoạch vốn 5 năm 2021-2025 đối với 79 dự án, công trình số tiền: 99.766,9 triệu đồng (Từ nguồn vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh: 48.043,8 triệu đồng; từ nguồn vốn thu tiền sử dụng đất ngân sách cấp xã: 25.790,6 triệu đồng, vốn ngân sách huyện (cũ) hỗ trợ: 25.932,5 triệu đồng).

2.2. Đề nghị điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn 5 năm 2021-2025: 1.992,5 triệu đồng/07 dự án, công trình. Chi tiết như sau:

- Điều chỉnh giảm vốn 03 dự án, công trình từ nguồn vốn hỗ trợ ngân sách tỉnh: 14,7 triệu đồng.

- Điều chỉnh giảm vốn 01 dự án, công trình từ nguồn vốn thu tiền đất: 0,6 triệu đồng.

- Điều chỉnh tăng vốn 03 dự án, công trình từ nguồn vốn thu tiền sử dụng đất: 507,8 triệu đồng.

- Bổ sung danh mục kế hoạch vốn 03 công trình với tổng mức đầu tư: 15.000 triệu đồng và điều chỉnh tăng kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 từ nguồn thu sử dụng đất: 5.000 triệu đồng.

2.3. Tổng kế hoạch vốn đầu tư công 5 năm 2021-2025 ngân sách cấp xã (sau khi điều chỉnh) là: 121.481,1 triệu đồng (bao gồm: Vốn ngân sách xã 34.471 triệu đồng; Nguồn bổ sung ngân sách huyện (cũ) 25.932,5 triệu đồng; Nguồn bổ sung có mục tiêu ngân sách tỉnh: 61.077,6 triệu đồng;).

(Chi tiết Biểu số 01 kèm theo)

3. Phương án điều chỉnh, phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2025 (vốn ngân sách cấp xã)

3.1. Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025.

Tổng kế hoạch vốn ngân sách cấp xã năm 2025 đã Hội đồng nhân dân xã quyết định: 30.034,8 triệu đồng (Vốn thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách xã: 4.856,8 triệu đồng; bổ sung từ ngân sách cấp huyện (cũ): 343,5 triệu đồng; bổ sung có mục tiêu ngân sách cấp tỉnh: 24.614,0 triệu đồng và vốn khác ngân sách xã: 220,4 triệu đồng).

3.2. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025.

- Tổng số kế hoạch vốn đề nghị điều chỉnh, bổ sung năm 2025: 5.492,5 triệu đồng. Trong đó:

+ Bổ sung danh mục 03 công trình với tổng mức đầu tư dự kiến: 13.000 triệu đồng; dự kiến phân bổ, bổ sung kế hoạch vốn từ thu tiền sử dụng đất: 5.000 triệu đồng;

+ Điều chỉnh tăng nguồn vốn thu tiền sử dụng đất: 507,2 triệu đồng (*điều chỉnh giảm 1 công trình và tăng 03 công trình*).

+ Điều chỉnh giảm nguồn ngân sách cấp tỉnh: 14,7 triệu đồng (*giảm 03 công trình*).

3.3. Tổng kế hoạch vốn sau khi điều chỉnh, bổ sung năm 2025: 35.527,3 triệu đồng. Trong đó:

+ Nguồn vốn ngân sách tỉnh bổ sung: 24.599,3 triệu đồng

+ Nguồn vốn ngân huyện bổ sung: 343,5 triệu đồng

+ Nguồn vốn ngân sách xã (thu tiền sử dụng đất + nguồn khác): 10.584,5 triệu đồng.

(Chi tiết phụ lục 02 kèm theo)

II. Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2025.

1. Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công 6 tháng đầu năm 2025.

- Kế hoạch vốn đầu tư công giao đầu năm: 0 triệu đồng.

- Kế hoạch vốn đầu tư công bổ sung trong 6 tháng đầu năm (03 xã cũ): 30.034,8 triệu đồng/61 công trình, dự án. Trong đó:

+ Bổ sung vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 4.856,8 triệu đồng.

+ Bổ sung vốn từ nguồn khác (tăng thu, tiết kiệm chi, chuyển nguồn): 220,4 triệu đồng.

+ Bổ sung vốn từ nguồn ngân sách huyện hỗ trợ: 343,5 triệu đồng.

+ Bổ sung vốn từ nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ: 24.614 triệu đồng.

* Kết quả thực hiện giải ngân vốn đầu tư công đã phân bổ 6 tháng đầu năm 2025. Cụ thể như sau:

- Tổng số vốn đã giải ngân là: 30.019,5 triệu đồng/61 công trình, dự án, đạt 99,94 % kế hoạch vốn đã phân bổ. Trong đó:

+ Xã Yết Kiêu (cũ) đã giải ngân: 20.216,4 triệu đồng/44 công trình.

+ Xã Thống Nhất (cũ) đã giải ngân: 3.725,9 triệu đồng/7 công trình.

+ Xã Lê Lợi (cũ) đã giải ngân: 6.077,3 triệu đồng/10 công trình.

- Bao gồm các nguồn vốn như sau:

+ Bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất trong năm: 4.856,2 triệu đồng.

+ Bổ sung từ nguồn khác (tăng thu, tiết kiệm chi, chuyển nguồn): 220,4 triệu đồng.

+ Bổ sung từ nguồn ngân sách huyện hỗ trợ trong năm: 343,5 triệu đồng.

+ Bổ sung từ nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ trong năm: 24.599,3 triệu đồng.

2. Ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2025.

Ước thực hiện thanh toán vốn đầu tư công dự kiến phân bổ 6 tháng cuối năm: 5.507,8 triệu đồng/06 công trình, dự án. Trong đó:

- Công trình hoàn thành trước năm 2025 (03 công trình):

+ Cải tạo nghĩa trang liệt sĩ xã Yết Kiêu (điểm Trùng Khánh): 415,8 triệu đồng.

+ Nhà hiệu bộ, nhà lớp học bộ môn trường THCS Gia Hòa: 58,6 triệu đồng.

+ Cổng tường rào và các hạng mục phụ trợ Trường mầm non Yết Kiêu: 33,4 triệu đồng.

- Công trình dự kiến khởi công mới năm 2025 (03 công trình):

+ Nâng cấp, mở rộng đường giao thông từ cầu thôn Thượng Bì 2 đến khu nghĩa trang nhân dân mới: 2.500 triệu đồng.

+ Cải tạo Block, vỉa hè, điện chiếu sáng đường trục xã Yết Kiêu đoạn giáp đường ĐT 395 đến đường gom cao tốc QL5B, xã Yết Kiêu: 2.000 triệu đồng.

+ Cải tạo Block, vỉa hè, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng trục đường ĐT.395 xã Yết Kiêu (đoạn từ hộ gia đình Quy Tiêm đến hộ gia đình Toán Thúy): 500 triệu đồng.

(Chi tiết phụ lục 03 kèm theo)

3. Những nhiệm vụ và giải pháp thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công 6 tháng cuối năm 2025.

Để thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 hoàn thành theo kế hoạch vốn, đề nghị các cấp, các ngành và đơn vị liên quan thực hiện tốt những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu sau:

- Đối với dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng từ tháng 6 năm 2025 trở về trước: Khẩn trương nghiệm thu quyết toán A-B, hoàn tất thủ tục trình phê duyệt quyết toán vốn đầu tư; đối với dự án được giao vốn năm 2025 phải thực hiện thanh toán, giải ngân hết kế hoạch.

- Đối với dự án khởi công mới: Tập trung triển khai hoàn thiện các thủ tục đầu tư, lựa chọn nhà thầu ngay sau khi có quyết định giao vốn. Trong quá trình thực hiện đầu tư, phải sớm nghiệm thu khối lượng hoàn thành, giải ngân hết kế hoạch vốn giao trong năm 2025.

- Tiếp tục quản lý và khai thác tốt các nguồn thu, tuyên truyền về việc xử lý chuyển mục đích sử dụng đất, xử lý đất dôi dư, xen kẹt, nhằm đảm bảo nguồn vốn để thanh toán nợ các công trình và đầu tư khởi công các công trình tiếp theo.

III. Dự kiến kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công năm 2026.

1. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn:

1.1 Tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Xây dựng và các văn bản pháp luật có liên quan.

1.2 Danh mục dự án và dự kiến kế hoạch vốn năm 2026 phải thuộc danh mục kế hoạch đầu tư công 5 năm 2026-2030 được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức vốn bố trí cho từng công trình, dự án không vượt quá tổng mức đầu tư dự án trừ đi lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025; phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân trong năm 2026.

1.3 Việc bố trí vốn đầu tư công năm 2026 phải đảm bảo theo pháp luật về đầu tư công và các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư nguồn NSNN giai đoạn 2026-2030. Chỉ giao kế hoạch vốn cho các công trình, dự án đã đủ các thủ tục đầu tư, được cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật Đầu tư công và các quy định hiện hành.

1.4 Kế hoạch đầu tư công vốn NSDP năm 2026 phải phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân của từng dự án, khắc phục triệt để tình trạng chậm phân bổ, giao kế hoạch chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án. Danh mục dự án bố trí kế hoạch năm 2026 phải thuộc danh mục dự án dự kiến trong kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030, được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trừ dự án đầu tư công khẩn cấp. Đối với các nhiệm vụ, dự án thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2026 việc phân bổ vốn phải bảo đảm theo thứ tự ưu tiên sau:

- Trả nợ xây dựng cơ bản các công trình đã triển khai, hoàn thành và đã có quyết toán vốn được phê duyệt (nếu có);
- Phân bổ vốn cho các công trình, dự án đang triển khai còn thiếu vốn và các dự án chuyển tiếp;
- Bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch;
- Bố trí vốn cho các dự án đầu tư mới năm 2026; phải lựa chọn các dự án thật sự cấp bách, cần thiết để thực hiện đầu tư xây dựng mới các công trình.

2. Dự kiến nguồn thu và thực hiện kế hoạch đầu tư công.

Trên cơ sở tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 và dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2026; căn cứ các quy định của Luật Đầu tư công, sự chỉ đạo của Thành phố và các văn bản hướng dẫn, để bảo đảm không gián đoạn trong thực hiện kế hoạch đầu tư công và phù hợp với mô hình tổ chức đơn vị hành chính mới. UBND xã dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2026 như sau:

Dự kiến nguồn vốn đầu tư công xã Yết Kiêu năm 2026 là: 32.500 triệu đồng. Trong đó:

- Nguồn vốn thu từ tiền sử dụng đất theo phân cấp: 8.000 triệu đồng.
- Nguồn vốn Thành phố hỗ trợ thực hiện các dự án của xã: 24.500 triệu đồng.

3. Phân bổ vốn ngân sách địa phương năm 2026 như sau.

Căn cứ vào nguồn thu, dự kiến phân bổ vốn đầu tư công năm 2026: 32.500 triệu đồng. Trong đó:

- Phân bổ vốn các công trình chuyển tiếp giai đoạn 2021-2025 sang: 9.000 triệu đồng.
- Phân bổ vốn các công trình khởi công mới năm 2026: 23.500 triệu đồng.

(Chi tiết phụ lục 04 kèm theo)

Trên đây là Báo cáo phương án điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công vốn 5 năm giai đoạn 2021-2025, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025; Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2025; Dự kiến kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công năm 2026 xã Yết Kiêu./.

Nơi nhận:

- Thường trực Đảng ủy xã;
- BTV Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch và các PCT UBND xã;
- BCH Đảng ủy xã;
- Lưu: VT, KT.

CHỦ TỊCH



Phạm Thị Thu

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục công trình/dự án	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư dự án (điều chỉnh lần cuối, nếu có)		Kế hoạch vốn ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 giao đã bao gồm các lần điều chỉnh				Dự kiến điều chỉnh tăng, giảm (-) kế hoạch vốn ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch giải ngân vốn còn lại năm 2025 và giai đoạn 2021-2025			
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Bao gồm:		Tổng số	Bao gồm:		Tổng số	Bao gồm:								
								Ngân sách xã	Ngân sách huyện		Ngân sách xã	Ngân sách huyện		Ngân sách xã	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Ngân sách huyện					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	Tổng số					188.956,7	107.985,6	28.963,8	25.932,5	53.092,3	13.492,5	13.492,5	5.507,2	0,0	7.985,3	121.481,1	34.471,0	25.932,5	61.077,6	5.507,8		
A	Vốn Ngân sách cấp xã					188.956,7	107.985,6	28.963,8	25.932,5	53.092,3	13.492,5	13.492,5	5.507,2	0,0	7.985,3	121.481,1	34.471,0	25.932,5	61.077,6	5.507,8		
I	GIỮ NGUYÊN KẾ HOẠCH VỐN					167.475,8	99.766,9	25.790,6	25.932,5	48.043,8	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	99.766,9	25.790,6	25.932,5	48.043,8	0,0		
	Xã Yết Kiêu (cũ)					73.071,9	34.617,9	4.727,9	10.428,0	19.462,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	34.617,9	4.727,9	10.428,0	19.462,0	0,0		
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025					59.569,3	22.114,9	3.253,0	10.158,0	8.703,9	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	22.114,9	3.253,0	10.158,0	8.703,9	0,0		
1	Sân thể thao trường THCS Yết Kiêu	Xã Yết Kiêu	C		UBND xã Yết Kiêu		2.632,8		2.632,8							2.632,8			2.632,8			
2	Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND xã Yết Kiêu	Xã Yết Kiêu	C		UBND xã Yết Kiêu		66,4		66,4							66,4			66,4			
3	Xây dựng, cải tạo nâng cấp chợ Buồm xã YK	Xã Yết Kiêu	C		UBND xã Yết Kiêu		1.281,0		1.281,0							1.281,0			1.281,0			
4	Hạ tầng dân cư Yết Kiêu	Xã Yết Kiêu	C		UBND xã Yết Kiêu	67/QĐ-UBND ngày 6/12/2017	833,8	125,9	125,9								125,9					
5	Xây mới, sửa chữa công hàng rào, lát sân, nhà cấp phát thuốc và các hạng mục phụ trợ khác trạm y tế xã Yết Kiêu	Xã Yết Kiêu	C		UBND xã Yết Kiêu	126/QĐ-UBND ngày 11/8/2020	484,6	27,0	27,0								27,0					
6	Cải tạo mái chống nóng nhà khám chữa bệnh, xây dựng nhà bếp, lò đốt rác, sân sau trạm y tế	Xã Yết Kiêu	C		UBND xã Yết Kiêu	4041/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	5.052,0	794,6	28,1	366,5	400,0						794,6	28,1	366,5	400,0		
7	Đón nguyên II nhà học 278P trường Mầm non Yết Kiêu	Xã Yết Kiêu	C		UBND xã Yết Kiêu	39/QĐ-UBND ngày 03/5/2024	119,7	96,5	96,5								96,5					
8	Nhà bảo vệ trường mầm non Gia Hòa xã Yết Kiêu	Xã Yết Kiêu	C		UBND xã Yết Kiêu	196/QĐ-UBND ngày 27/10/2020	607,8	80,3	80,3								80,3					
9	Hệ thống chiếu sáng công cộng đoạn từ trạm y tế đến bãi đỗ xe Đền Quát xã Yết Kiêu	Xã Yết Kiêu	C		UBND xã Yết Kiêu	145/QĐ-UBND ngày 10/9/2020	406,8	37,1	37,1								37,1					
10	Lắp đặt, biên trụ công và đá non bộ trụ sở UBND xã Yết Kiêu	Xã Yết Kiêu	C		UBND xã Yết Kiêu	2076/QĐ-UBND ngày 24/10/2017	1.197,0	168,2	168,2								168,2					
11	Cải tạo, sửa chữa trạm y tế xã Yết Kiêu, huyện Gia Lộc	Xã Yết Kiêu	C		UBND xã Yết Kiêu	3067/QĐ-UBND ngày 25/9/2018	4.785,0	21,6	351,4	400,0							21,6			351,4	400,0	
12	Đón nguyên I nhà học 218P trường Mầm non Yết Kiêu	Xã Yết Kiêu	C		UBND xã Yết Kiêu	2436/QĐ-UBND ngày 08/08/2017	4.024,0	597,3	155,3	242,0	200,0						597,3	155,3	242,0	200,0		
13	Nhà học 216P Mầm non trường Mầm non Gia Hòa, huyện Gia Lộc	Xã Yết Kiêu	C		UBND xã Yết Kiêu	3221/QĐ-UBND ngày 25/06/2014	4.997,0	312,2	12,2	300,0							312,2	12,2		300,0		
14	Nhà chức năng + hiệu bộ ĐT và các công trình phụ trợ trường Mầm non Gia Hòa, Gia Lộc, Hải Dương	Xã Yết Kiêu	C		UBND xã Yết Kiêu	1589/QĐ-UBND ngày 02/05/2018	5.392,0	277,0	277,0								277,0					
15	Trường tiểu học Yết Kiêu, Hạng mục : Nâng tầng 2 nhà lưu trữ và sửa chữa các hạng mục khác	Xã Yết Kiêu	C		UBND xã Yết Kiêu	8568/QĐ-UBND ngày 12/10/2016	1.179,0	139,3	139,3								139,3					
16	Trường tiểu học Yết Kiêu, Hạng mục : Nâng tầng 2 nhà lưu trữ và sửa chữa các hạng mục khác	Xã Yết Kiêu	C		UBND xã Yết Kiêu	QB số 1314/QĐ-UBND ngày 16/05/2017	3.020,0	351,8	151,8	200,0							351,8	151,8		200,0		
17	Nhà học 214P và sân trường tiểu học Gia Hòa	Xã Yết Kiêu	C		UBND xã Yết Kiêu	3162a/QĐ-UBND ngày 24/10/2017	1.146,0	155,1	81,4	73,8							155,1	81,4	73,8			
18	Xây dựng nhà mới của một tầng UBND xã Yết Kiêu	Xã Yết Kiêu	C		UBND xã Yết Kiêu	4310/QĐ-UBND ngày 12/12/2017	1.217,0	178,6	178,6								178,6					
19	Cải tạo sân, công trụ sở UBND xã Yết Kiêu và các hạng mục phụ trợ khác	Xã Yết Kiêu	C		UBND xã Yết Kiêu	85a/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	539,2	27,5	27,5								27,5					
20	Đường giao thông nông thôn xã Gia Hòa (Đoạn từ thôn Khảm sang thôn Phò)	Xã Yết Kiêu	C		UBND xã Yết Kiêu																	

STT	Danh mục công trình/dự án	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án	Chú đầu tư	Quyết định đầu tư dự án (điều chỉnh lần cuối, nếu có)		Kế hoạch vốn ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 giao đã bao gồm các lần điều chỉnh				Dự kiến điều chỉnh tăng, giảm (-) kế hoạch vốn ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch giải ngân vốn còn lại năm 2025 và giai đoạn 2021-2025
					Số ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Bao gồm:		Tổng số	Bao gồm:		Tổng số	Bao gồm:					
								Ngân sách xã	Ngân sách huyện		Ngân sách xã	Ngân sách huyện		Ngân sách xã	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Ngân sách huyện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	11	12	13	14	16	17	18	19	21	22	25
21	Đường giao thông nông thôn xã Gia Hòa (Đoạn từ nối tiếp từ thôn Khán sang thôn Phe + hạng mục phụ trợ trường tiểu học)	Xã Yên Kiều	C	UBND xã Yên Kiều	92/QĐ-UBND ngày 08/10/2019	406,3	40,2	40,2							40,2				
22	Cải tạo nghĩa trang liệt sĩ xã Gia Hòa	Xã Yên Kiều	C	UBND xã Yên Kiều	1393/QĐ-UBND ngày 08/5/2019	2.275,0	217,0	217,0							217,0				
23	Cải tạo, nâng cấp sân, vỉa hè, nhà xe giáo viên Trường Tiểu học Trưng Khánh, huyện Gia Lộc	Xã Yên Kiều	C	UBND xã Yên Kiều	30/QĐ-UBND ngày 02/07/2019	888,4	838,0		450,0	388,0					838,0		450,0	388,0	
24	Xây dựng, cải tạo nhà lớp học 2 tầng, 8 phòng và các hạng mục phụ trợ Trường THCS Gia Hòa	Xã Yên Kiều	C	UBND xã Yên Kiều	72/QĐ-UBND ngày 17/10/2018	729,0	187,9			187,9					187,9			187,9	
25	Nhà xe, nhà thư viện Trường tiểu học Yên Kiều	Xã Yên Kiều	C	UBND xã Yên Kiều	91/QĐ-UBND ngày 08/7/2020	871,5	192,8			192,8					192,8			192,8	
26	Cải tạo nghĩa trang liệt sĩ xã Yên Kiều (Điểm Yên Kiều)	Xã Yên Kiều	C	UBND xã Yên Kiều	199a ngày 28/10/2020	5.762,0	5.421,2	1.388,1		4.033,1					5.421,2	1.388,1		4.033,1	
27	Xây dựng nhà vệ sinh giáo viên, tường rào, vỉa hè trường tiểu học Trưng Khánh, huyện Gia Lộc	Xã Yên Kiều	C	UBND xã Yên Kiều	4059/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	1.148,0	976,8		700,0	276,8					976,8		700,0	276,8	
28	Xây dựng tường rào phía sau trường tiểu học Trưng Khánh, huyện Gia Lộc	Xã Yên Kiều	C	UBND xã Yên Kiều	51/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	596,0	495,1			495,1					495,1			495,1	
29	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè, lề đường trước trường THCS Trưng Khánh	Xã Yên Kiều	C	UBND xã Yên Kiều	47/QĐ-UBND ngày 24/10/2018	416,0	308,5			308,5					308,5			308,5	
30	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè, lề đường đoạn từ Bùn Điện đến trụ sở UBND xã Trưng Khánh	Xã Yên Kiều	C	UBND xã Yên Kiều	41/QĐ-UBND ngày 17/09/2019	999,5	980,2		450,0	530,2					980,2		450,0	530,2	
31	Kiến cổ hóa kênh KC đoạn K0-K0 +76 trạm bơm Trưng Khánh, huyện Gia Lộc	Xã Yên Kiều	C	UBND xã Yên Kiều	QB số 03/QĐ-UBND ngày 22/01/2019	472,0	406,5			406,5					406,5			406,5	
32	Kiến cổ hóa kênh KC đoạn K0+200- K0+450 Trạm bơm Yên Kiều, xã Yên Kiều, huyện Gia Lộc	Xã Yên Kiều	C	UBND xã Yên Kiều	110/QĐ-UBND ngày 18/09/2020	985,7	804,4		700,0	104,4					804,4		700,0	104,4	
33	Xây dựng, cải tạo các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Yên Kiều, huyện Gia Lộc	Xã Yên Kiều	C	UBND xã Yên Kiều	209/QĐ-UBND ngày 16/11/2020	2.390,0	2.280,6		2.000,0	280,6					2.280,6		2.000,0	280,6	
34	Nhà đa năng trường tiểu học Trưng Khánh, huyện Gia Lộc	Xã Yên Kiều	C	UBND xã Yên Kiều	2387/QĐ-UBND ngày 30/07/2020	5.826,0	69,7		69,7						69,7			69,7	
35	Kiến cổ hóa kênh KC đoạn K0+30- K0+200 trạm bơm Yên Kiều	Xã Yên Kiều	C	UBND xã Yên Kiều	2387/QĐ-UBND ngày 30/07/2019	803,1	748,1		748,1						748,1			748,1	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025					13.502,6	12.503,0	1.474,9	270,0	10.758,2	0,0	0,0	0,0	0,0	12.503,0	1.474,9	270,0	10.758,2	0,0
36	Xây dựng công trường, nhà xe giáo viên, chống nắng mưa nhà hiệu bộ và cải tạo sân trường THCS Yên Kiều (Điểm Gia Hòa cũ)	Xã Yên Kiều	C	UBND xã Yên Kiều	50/QĐ-UBND ngày 07/04/2021	1.126,0	1.096,9	800,0		296,9					1.096,9	800,0		296,9	
37	Sân vận động Phương Xá	Xã Yên Kiều	C	UBND xã Yên Kiều	202/QĐ-UBND ngày 12/10/2021	663,0	620,1	360,8		259,3					620,1	360,8		259,3	
38	Cải tạo, nâng cấp đường thôn Khuông Phú, xã Yên Kiều (Đoạn từ nhà Ông Tác đến Ông Hợp)	Xã Yên Kiều	C	UBND xã Yên Kiều	114/QĐ-UBND ngày 29/05/2021	472,4	384,5			384,5					384,5			384,5	
39	Lát nền sân sau và cải tạo các hạng mục phụ trợ trường THCS Gia Hòa, xã Yên Kiều	Xã Yên Kiều	C	UBND xã Yên Kiều	53/QĐ-UBND ngày 26/05/2023	648,7	598,7			598,7					598,7			598,7	
40	Trường tiểu học Trưng Khánh; Hạng mục nhà vệ sinh học sinh	Xã Yên Kiều	C	UBND xã Yên Kiều	QB số 101/QĐ-UBND ngày 02/06/2022	664,0	622,2								622,2			622,2	
41	Cải tạo nhà một của UBND xã Yên Kiều, huyện Gia Lộc	Xã Yên Kiều	C	UBND xã Yên Kiều	147/QĐ-UBND ngày 19/10/2022	307,5	283,5	13,5	270,0						283,5	13,5	270,0		
42	Xây dựng, cải tạo nhà bảo vệ, nhà để xe, nhà vệ sinh và tường rào trụ sở UBND xã Yên Kiều, huyện Gia Lộc	Xã Yên Kiều	C	UBND xã Yên Kiều	45/QĐ-UBND ngày 19/05/2023	1.038,0	958,3			958,3					958,3			958,3	
43	Xây dựng cầu nối khu dân cư nhà văn hóa xóm Chợ sang thôn TB2	Xã Yên Kiều					300,6	300,6							300,6	300,6			
44	Cải tạo sân, rãnh thoát nước công an xã Yên Kiều, huyện	Xã Yên Kiều	C	UBND xã Yên Kiều	51/QĐ-UBND ngày 24/05/2023	1.146,0	1.057,2								1.057,2			1.057,2	
45	Xây dựng trụ sở làm việc công an xã Yên Kiều, hạng mục nhà làm việc 3 tầng	Xã Yên Kiều	C	UBND xã Yên Kiều	57/QĐ-UBND ngày 16/06/2023	7.437,0	6.581,0								6.581,0			6.581,0	

STT	Danh mục công trình/dự án	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án	Chú đầu tư	Quyết định đầu tư dự án (điều chỉnh lần cuối, nếu có)		Kế hoạch vốn ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 giao đã bao gồm các lần điều chỉnh					Dự kiến điều chỉnh tăng, giảm (-) kế hoạch vốn ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025					Kế hoạch vốn ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh giai đoạn 2021-2025					Kế hoạch giải ngân vốn còn lại năm 2025 và giai đoạn 2021-2025				
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Ngân sách xã	Ngân sách huyện	Bổ sung có mục tiêu Ngân sách tỉnh	Tổng số	Ngân sách xã	Ngân sách huyện	Bổ sung có mục tiêu NS tỉnh	Tổng số	Ngân sách xã	Ngân sách huyện	Bổ sung có mục tiêu NS tỉnh								
I	Xã Thống Nhất				5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	
II	Xã Thống Nhất						67.238,2	54.086,5	19.450,2	14.251,7	20.384,6	0,0	0,0	0,0	0,0	54.086,5	19.450,2	14.251,7	20.384,6	0,0					0,0	
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025																									
46	Đường giao thông xã Thống Nhất đoạn từ thôn Vô Lương đi đường WB2	Xã Thống Nhất	C	UBND xã Thống Nhất	3966/QĐ-UBND; ngày 22/10/2018	950,5	925,7	925,7	0,0	0,0						925,7	925,7	0,0	0,0							
47	Xây mới tường rào trường THCS Thống Nhất	Xã Thống Nhất	C	UBND xã Thống Nhất	42/QĐ-UBND; ngày 6/5/2015	999,4	902,0	902,0	0,0	0,0						902,0	902,0	0,0	0,0							
48	Xây mới nhà vệ sinh, cải tạo công, tường rào và vỉa hè trường THCS Thống Nhất	Xã Thống Nhất	C	UBND xã Thống Nhất	47/QĐ-UBND; ngày 17/5/2015	992,6	900,8	900,8	0,0	0,0						900,8	900,8	0,0	0,0							
49	Cải tạo sân trường và rãnh thoát nước trường THCS Thống Nhất	Xã Thống Nhất	C	UBND xã Thống Nhất	100/QĐ-UBND; ngày 26/8/2015	972,6	882,7	882,7	0,0	0,0						882,7	882,7	0,0	0,0							
50	Xây mới nhà bảo vệ và lát nền sân trường THCS Thống Nhất	Xã Thống Nhất	C	UBND xã Thống Nhất	127/QĐ-UBND; ngày 12/10/2015	709,5	654,9	654,9	0,0	0,0						654,9	654,9	0,0	0,0							
51	Nhà tiêu bộ và phòng học chức năng trường THCS Thống Nhất	Xã Thống Nhất	C	UBND xã Thống Nhất	5795/QĐ-UBND; ngày 23/12/2014	5.044,0	4.299,0	2.699,0	1.500,0	100,0						4.299,0	2.699,0	1.500,0	100,0							
52	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng (đơn nguyên 2) và công, tường rào trường mầm non Thống Nhất	Xã Thống Nhất	C	UBND xã Thống Nhất	1866/QĐ-UBND; ngày 8/6/2017	4.975,3	1.355,1	5,6	1.129,5	200,0						1.355,1	5,6	1.129,5	200,0							
53	Trường mầm non xã Thống Nhất hạng mục nhà bếp và nhà bếp	Xã Thống Nhất	C	UBND xã Thống Nhất	1152/QĐ-UBND; ngày 3/5/2017	4.703,6	1.727,5	600,0	427,5	700,0						1.727,5	600,0	427,5	700,0							
54	Lát gạch terazzo nền sân khuôn viên trường mầm non Thống Nhất	Xã Thống Nhất	C	UBND xã Thống Nhất	136/QĐ-UBND; ngày 31/12/2019	339,6	339,5	339,5	0,0	0,0						339,5	339,5	0,0	0,0							
55	Nhà làm việc 01 tầng UBND xã Thống Nhất	Xã Thống Nhất	C	UBND xã Thống Nhất	142/QĐ-UBND; ngày 17/1/2016	974,3	320,4	320,4	0,0	0,0						320,4	320,4	0,0	0,0							
56	Nhà đa năng trường tiểu học Thống Nhất	Xã Thống Nhất	C	UBND xã Thống Nhất	1382/QĐ-UBND; ngày 24/4/2018	4.712,1	4.034,0	534,0	3.500,0							4.034,0	534,0	3.500,0								
57	Xây dựng nhà vệ sinh nam, cải tạo nhà vệ sinh nữ trường tiểu học Thống Nhất	Xã Thống Nhất	C	UBND xã Thống Nhất	74/QĐ-UBND; ngày 6/5/2020	1.116,1	784,0	5,0	0,0	779,0						784,0	5,0	0,0	779,0							
58	Nhà văn hóa thôn Quỳnh Huệ hạng mục: sân nền, đất bê tông sân	Xã Thống Nhất	C	UBND xã Thống Nhất	149/QĐ-UBND; ngày 22/10/2020	234,0	200,0	0,0	200,0	0,0						200,0	0,0	200,0	0,0							
59	Nhà vệ sinh, nhà xe UBND xã, sân đường, bồn hoa, vỉa hè UBND xã	Xã Thống Nhất	C	UBND xã Thống Nhất	016/QĐ-UBND; ngày 5/1/2021	949,6	855,0	204,6	0,0	650,4						855,0	204,6	0,0	650,4							
60	Lát nền sân và chống thấm mái nhà hội trường, trụ sở UBND xã Thống Nhất	Xã Thống Nhất	C	UBND xã Thống Nhất	3950/QĐ-UBND; ngày 22/10/2018	842,8	595,0	595,0	0,0	0,0						595,0	595,0	0,0	0,0							
61	Công tường rào, sân lát mặt bằng và hệ thống thoát nước UBND xã	Xã Thống Nhất	C	UBND xã Thống Nhất	4971/QĐ-UBND; ngày 22/10/2015	1.118,0	986,4	760,7	225,7							986,4	760,7	225,7								
62	Xây dựng sân thể thao thôn Ty	Xã Thống Nhất	C	UBND xã Thống Nhất	85/QĐ-UBND; ngày 2/7/2020	3.030,9	1.285,0	0,0	1.285,0	0,0						1.285,0	0,0	1.285,0	0,0							
63	Xây dựng sân thể thao thôn Ty	Xã Thống Nhất	C	UBND xã Thống Nhất	23/QĐ-UBND; ngày 19/2/2019	229,0	200,0		0,0	200,0						200,0		0,0	200,0							
64	Xây dựng sân thể thao thôn Khay	Xã Thống Nhất	C	UBND xã Thống Nhất	121/QĐ-UBND; ngày 15/11/2019	228,0	200,0		0,0	200,0						200,0		0,0	200,0							
65	Xây dựng sân thể thao thôn Vô Lương	Xã Thống Nhất	C	UBND xã Thống Nhất	198/QĐ-UBND; ngày 20/10/2020	235,0	200,0		0,0	200,0						200,0		0,0	200,0							
66	Cải tạo nâng cấp đường trục vào thôn Ty, đoạn từ đường huyện - Trung Khánh đến đê sông Sắt	Xã Thống Nhất	C	UBND xã Thống Nhất	215/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	3.830,8	3.560,0	1.860,0	1.200,0	500,0						3.560,0	1.860,0	1.200,0	500,0							
II	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025					30.050,5	28.899,6	7.260,4	4.784,0	16.855,2	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	28.899,6	7.260,4	4.784,0	16.855,2							
67	Cải tạo, nâng cấp chợ Ty thôn Trung và các hạng mục phụ trợ - giai đoạn 1	Xã Thống Nhất	C	UBND xã Thống Nhất	645/QĐ-UBND ngày 10/7/2021	1.183,8	1.126,3	1.126,3	0,0							1.126,3										
67	Cải tạo, nâng cấp chợ Ty thôn Trung và các hạng mục phụ trợ - giai đoạn 2	Xã Thống Nhất	C	UBND xã Thống Nhất	847/QĐ-UBND ngày 31/8/2021	1.152,3	1.096,3	1.096,3	0,0							1.096,3										
67	Mái lợp che cây dây bám hàng chợ Ty, thôn Trung	Xã Thống Nhất	C	UBND xã Thống Nhất	898/QĐ-UBND ngày 8/12/2021	1.201,8	1.122,6	856,7	0,0	265,9						1.122,6	856,7	0,0	265,9							
67	Cải tạo, nâng cấp đường vào thôn Trung đoạn từ UBND xã đến nhà văn hóa thôn	Xã Thống Nhất	C	UBND xã Thống Nhất	12/QĐ-UBND ngày 12/2/2022	2.783,2	2.664,0	1.880,0	284,0	500,0						2.664,0	1.880,0	284,0	500,0							
67	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT đoạn từ NVH thôn Vô Lương đến chùa Vô	Xã Thống Nhất	C	UBND xã Thống Nhất	125/QĐ-UBND ngày 9/8/2022	7.271,9	7.011,0	55,8	3.500,0	3.455,2						7.011,0	55,8	3.500,0	3.455,2							

STT	Danh mục công trình/dự án	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư dự án (Điều chỉnh lần cuối, nếu có)	Kế hoạch vốn ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 giao đã bao gồm các lần điều chỉnh				Dự kiến điều chỉnh tăng, giảm (-) kế hoạch vốn ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch giải ngân vốn còn lại năm 2025 và giải đoạn 2021-2025	
						Bao gồm:				Bao gồm:				Bao gồm:					
						Tổng số	Ngân sách xã	Ngân sách huyện	Bổ sung có mục tiêu Ngân sách tỉnh	Tổng số	Ngân sách xã	Ngân sách huyện	Bổ sung có mục tiêu NS tỉnh	Tổng số	Ngân sách xã	Ngân sách huyện	Bổ sung có mục tiêu NS tỉnh		
I	2	3	4	5	6	7	8	9	11	12	13	14	16	17	18	19	21	22	25
67	Cải tạo, nâng cấp đường GINTT đoạn từ Nhà bà Bạt đến công 4 của thôn Quỳnh Huệ và đoạn mở rộng từ cửa xã tràm bom Thông Nhất	Xã Thông Nhất	C	UBND xã Thông Nhất	248/QĐ-UBND ngày 28/11/2024	424,7	395,3	395,3	0,0						395,3	395,3	0,0		
67	Cải tạo, sửa chữa nhà tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa và các hạng mục phụ trợ	Xã Thông Nhất	C	UBND xã Thông Nhất	124/QĐ-UBND ngày 9/8/2022	1.052,9	1.020,1	20,1	1.000,0						1.020,1	20,1	1.000,0		
67	Tu bổ, tôn tạo di tích đền dưới xã Thông Nhất, huyện Gia Lộc hàng mục: nhà Tiền tế, tá vu, Hậu y; Nhà trung từ và hậu cung, Nghi môn nội, Sân nội từ, nhà tiếp.	Xã Thông Nhất	C	UBND xã Thông Nhất	166/QĐ-UBND ngày 26/9/2023	14.980,0	14.464,0	1.829,9	0,0	12.634,1					14.464,0	1.829,9	0,0	12.634,1	
III	Xã Lê Lợi (Cũ)					27.165,6	11.062,5	1.612,5	1.252,8	8.197,2	0,0	0,0	0,0	0,0	11.062,5	1.612,5	1.252,8	8.197,2	0,0
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025					22.165,1	6.445,5	455,5	835,8	5.154,2	0,0	0,0	0,0	0,0	6.445,5	455,5	835,8	5.154,2	0,0
68	Trụ sở Đảng ủy-UBND xã Lê Lợi, huyện Gia Lộc; Hàng mục: Nhà làm việc Đảng ủy-UBND và các Đoàn thể	Xã Lê Lợi	C	UBND xã Lê Lợi	22/QĐ-UBND ngày 31/8/2019	3.958,5	3.213,8	349,6		2.864,2					3.213,8		349,6	2.864,2	
69	Nhà ở học 2 tầng 4 phòng trường Tiểu học Lê Lợi, Huyện Gia Lộc	Xã Lê Lợi	C	UBND xã Lê Lợi	3719/QĐ-UBND ngày 17/10/2018	2.646,6	1.477,6			1.477,6					1.477,6			1.477,6	
70	Nhà hiệu bộ 2 tầng trường Mầm non Lê Lợi	Xã Lê Lợi	C	UBND xã Lê Lợi	1446/QĐ-UBND ngày 11/4/2018	3.447,0	145,4			145,4					145,4			145,4	
71	Xây mới nhà 1 cửa, Nhà bảo vệ, Nhà xe, tường rào, cải tạo nhà làm việc, hội trường trụ sở Đảng ủy, UBND-UBND xã Lê Lợi, huyện Gia Lộc	Xã Lê Lợi	C	UBND xã Lê Lợi	5065/QĐ-UBND ngày 22/11/2018	3.010,6	809,0	342,0		467,0					809,0	342,0		467,0	
72	Sân vận động thôn Bùi Thượng, xã Lê Lợi	Xã Lê Lợi	C	UBND xã Lê Lợi	358/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	220,4	10,3	10,3							10,3	10,3			
73	Nhà lớp học 2T 6P trường Mầm non Lê Lợi	Xã Lê Lợi	C	UBND xã Lê Lợi	3167/QĐ-UBND ngày 25/10/2017	6.293,0	404,6	404,6	404,6						404,6		404,6		
74	Xây dựng sân công trường + rào và các hạng mục phụ trợ trường mầm non Lê Lợi	Xã Lê Lợi	C	UBND xã Lê Lợi	3940/QĐ-UBND ngày 18/5/2018	122,7	81,6	81,6	81,6						81,6		81,6		
75	Sân vận động thôn Bùi Thượng, xã Lê Lợi	Xã Lê Lợi	C	UBND xã Lê Lợi	358/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	220,4	200,0	200,0		200,0					200,0			200,0	
76	Cải tạo, nâng cấp Nghĩa trang liệt sỹ xã Lê Lợi	Xã Lê Lợi	C	UBND xã Lê Lợi	80/QĐ-UBND ngày 22/11/2019	2.245,8	103,2	103,2							103,2	103,2			
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025					5.000,5	4.617,0	1.157,0	417,0	3.043,0	0,0	0,0	0,0	0,0	4.617,0	1.157,0	417,0	3.043,0	0,0
77	Cải tạo, sửa chữa nhà tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả theo cơ chế một cửa xã Lê Lợi	Xã Lê Lợi	C	UBND xã Lê Lợi	1258/QĐ-UBND ngày 11/8/2022	3.15,8	299,0	99,0	157,0	43,0					299,0	99,0	157,0	43,0	
78	Đầu tư xây dựng một số tuyến đường giao thông xã Lê Lợi	Xã Lê Lợi	C	UBND xã Lê Lợi	77/QĐ-UBND ngày 19/10/2021	4.267,7	3.983,5	723,5	260,0	3.000,0					3.983,5	723,5	260,0	3.000,0	
79	Cải tạo sân vườn UBND xã Lê Lợi	Xã Lê Lợi	C	UBND xã Lê Lợi	07/QĐ-UBND ngày 03/2/2021	417,0	334,5	334,5							334,5	334,5			
B	ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN					21.480,9	8.221,7	3.173,2	0,0	5.048,5	492,5	507,2	0,0	-14,7	8.714,2	3.680,4	0,0	5.033,8	507,8
	Yết Kiêu					15.105,8	5.951,4	2.843,2	0,0	3.108,2	498,5	507,8	0,0	-9,3	6.449,8	3.351,0	0,0	3.098,8	507,8
87	Xây dựng, cải tạo các hạng mục phụ trợ Trường Trung học cơ sở Yết Kiêu, huyện Gia Lộc	Xã Yết Kiêu	C	UBND xã Yết Kiêu	215/QĐ-UBND ngày 25/11/2020	1.719,0	1.667,5			1.667,5	-9,3			-9,3	1.658,1			1.658,1	
88	Cải tạo nghĩa trang liệt sỹ xã Yết Kiêu (diêm Trưng Khánh)	Xã Yết Kiêu	C	UBND xã Yết Kiêu	27/QĐ-UBND ngày 08/03/2022	3.778,1	2.843,2	2.843,2			415,8	415,8			3.259,0	3.259,0			415,8
89	Nhà hiệu bộ + Nhà lớp học bộ môn trường THCS Gia Hòa, huyện Gia Lộc	Xã Yết Kiêu	C	UBND xã Yết Kiêu	1437/QĐ-UBND ngày 10/04/2018	6.368,7	955,4	955,4		955,4	58,6	58,6			1.014,0	58,6		955,4	58,6
90	Công trường rào và các hạng mục phụ trợ Trường mầm non Yết Kiêu	Xã Yết Kiêu	C	UBND xã Yết Kiêu	1989/QĐ-UBND ngày 01/07/2019	3.240,0	485,3			485,3	33,4	33,4			518,7	33,4		485,3	33,4
	Lê Lợi					6.375,1	2.270,3	330,0	0,0	1.940,3	-6,0	-0,6	0,0	-5,4	2.264,4	329,4	0,0	1.935,0	0,0
91	Nhà ăn bán trú trường tiểu học Lê Lợi	Xã Lê Lợi	C	UBND xã Lê Lợi	02/QĐ-UBND ngày 14/01/2020	1.186,0	1.136,4			1.136,4	-4,8			-4,8	1.131,5			1.131,5	0,0
92	Nhà lớp học + chức năng 2 tầng trường Mầm non Lê Lợi, Huyện Gia Lộc	Xã Lê Lợi	C	UBND xã Lê Lợi	3967/QĐ-UBND ngày 23/10/2018	4.092,8	804,0			804,0	-0,5			-0,5	803,4			803,4	0,0

(Kèm theo Báo cáo số 09/BC-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Yết Kiêu)

STT	Danh mục công trình/dự án	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư dự án (điều chỉnh lần cuối, nếu có)		Kế hoạch vốn NSDP năm 2025 đã giao đến 30/06/2025						Phân bổ, điều chỉnh tăng, giảm (+) kế hoạch vốn năm 2025						Kế hoạch vốn năm 2025 sau phân bổ, điều chỉnh						Đã giải ngân đến 30/6/2025	Đạt tỉ lệ giải ngân vốn còn lại năm 2025	Kế hoạch giải ngân vốn còn lại năm 2025
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Vốn thu tiền sử dụng đất NSX	Tăng thu tiết kiệm chi	Nguồn khác	Ngân sách huyện	Bổ sung có mục tiêu NS	Tổng số	Vốn thu tiền sử dụng đất NSX	Tăng thu tiết kiệm chi	Nguồn khác	Ngân sách huyện	Bổ sung có mục tiêu NS	Tổng số	Vốn thu tiền sử dụng đất NSX	Tăng thu tiết kiệm chi	Nguồn khác	Ngân sách huyện	Bổ sung có mục tiêu NS			
1	Tổng số			3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	24	25	26	
	Vốn Ngân sách cấp xã GIỮ NGUYỄN KẾ HOẠCH VỐN							139.627,6	30.034,8	4.856,8	-	220,4	343,5	24.614,0	5.492,5	5.507,2	-	(14,7)	35.527,3	10.364,1	220,4	343,5	24.599,3	30.019,5	84,5%	5.507,8	
A								118.146,6	30.034,8	4.856,8	-	220,4	343,5	24.614,0	5.492,5	5.507,2	-	(14,7)	35.527,3	10.364,1	-	220,4	343,5	24.599,3	30.019,5	84,5%	5.507,8
I	Xây mới sân chùa công bằng rào, lát sân, nhà cấp phát thuốc và các hạng mục phụ trợ khác trạm y tế xã Yết Kiêu							73.071,9	24.591,6	2.826,8	-	220,4	343,5	21.200,8	-	-	-	-	24.591,6	2.826,8	-	220,4	343,5	21.200,8	24.591,6	100,0%	-
1	Cải tạo mái chống nong nhà khám chữa bệnh, xây dựng nhà bếp lò đốt rác, sân sau trạm y tế							833,8	125,9	125,9					-	-	-	-	125,9	125,9					125,9	100,0%	-
2	Đơn nguyên II nhà lớp học 2TR8P trường Mầm non Yết Kiêu							484,6	27,0	27,0					27,0	27,0			27,0	27,0					27,0	100,0%	-
3	Nhà bảo vệ trường mầm non Gia Hòa xã Yết Kiêu							5.052,0	28,1	28,1					28,1	28,1			28,1	28,1					28,1	100,0%	-
4	Hệ thống chiếu sáng công cộng đoạn từ trạm y tế đến bãi đỗ xe Đền Quất xã Yết Kiêu							119,7	96,5	96,5					96,5	96,5			96,5	96,5					96,5	100,0%	-
5	Lắp đặt biển trú công và dã non bộ trụ số UBND xã Yết Kiêu							607,8	80,3	80,3					80,3	80,3			80,3	80,3					80,3	100,0%	-
6	Cải tạo, sửa chữa trạm y tế xã Yết Kiêu, huyện Gia Lộc							406,8	37,1	37,1					37,1	37,1			37,1	37,1					37,1	100,0%	-
7	Đơn nguyên I nhà lớp học 2TR8P trường Mầm non Yết Kiêu							1.197,0	168,2	168,2					168,2	168,2			168,2	168,2					168,2	100,0%	-
8	Nhà lớp học 2TR4P Mầm non non bộ trụ số UBND xã Yết Kiêu							4.785,0	21,6	21,6					21,6	21,6			21,6	21,6					21,6	100,0%	-
9	Nhà lớp học 2TR6P Mầm non non bộ trụ số UBND xã Yết Kiêu							4.024,0	155,3	155,3					155,3	155,3			155,3	155,3					155,3	100,0%	-
10	Nhà chức năng + hiệu bộ 2T và các công trình phụ trợ trường Mầm non Gia Hòa, huyện Gia Lộc							4.997,0	12,2	12,2					12,2	12,2			12,2	12,2					12,2	100,0%	-
11	Xây dựng nhà một của một làng UBND xã Yết Kiêu							5.392,0	277,0	277,0					277,0	277,0			277,0	277,0					277,0	100,0%	-
12	Xây dựng nhà một của một làng UBND xã Yết Kiêu							1.179,0	139,3	139,3					139,3	139,3			139,3	139,3					139,3	100,0%	-
13	Xây dựng nhà một của một làng UBND xã Yết Kiêu							3.020,0	151,8	151,8					151,8	151,8			151,8	151,8					151,8	100,0%	-
14	Xây dựng nhà một của một làng UBND xã Yết Kiêu							1.146,0	81,4	81,4					81,4	81,4			81,4	81,4					81,4	100,0%	-

STT	Danh mục công trình/dự án	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án	Chức năng	Quyết định đầu tư dự án (điều chỉnh lần cuối, nếu có)		Kế hoạch vốn NSDP năm 2025 đã giao đến 30/06/2025										Phân bổ, điều chỉnh tăng, giảm (-) kế hoạch vốn năm 2025					Kế hoạch vốn năm 2025 sau phân bổ, điều chỉnh					Đã giải ngân đến 30/6/2025	Đạt tỉ lệ giải ngân vốn còn lại năm 2025	Kế hoạch giải ngân vốn còn lại năm 2025			
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Bao gồm:				Tổng số	Bao gồm:				Tổng số	Bao gồm:				Tổng số	Bao gồm:									
								Vốn thu tiền sử dụng đất NSX	Tăng thu tiết kiệm chi	Nguồn khác	Ngân sách huyện		Bổ sung có mục tiêu NS	Vốn thu tiền sử dụng đất NSX	Tăng thu tiết kiệm chi	Nguồn khác		Ngân sách huyện	Bổ sung có mục tiêu NS	Vốn thu tiền sử dụng đất NSX	Tăng thu tiết kiệm chi		Nguồn khác	Ngân sách huyện	Bổ sung có mục tiêu NS							
1	Cải tạo sân, công trụ sở UBND xã Yên Kiêu và các hạng mục phụ trợ khác	Xã Yên Kiêu	C	UBND xã Yên Kiêu ngày 12/12/2017	1.217,0	178,6	178,6												178,6	178,6					178,6	100,0%						26
16	Cải tạo nhà một của UBND xã Yên Kiêu, huyện Gia Lộc	Xã Yên Kiêu	C	UBND xã Yên Kiêu ngày 8/5/2022	307,5	13,5	13,5												13,5	13,5					13,5	100,0%						
17	Đường giao thông nông thôn xã Gia Hòa (Đoạn từ thôn Khán sang thôn Phe)	Xã Yên Kiêu	C	UBND xã Yên Kiêu ngày 26/10/2018	539,2	27,5	27,5												27,5	27,5					27,5	100,0%						
18	Đường giao thông nông thôn xã Gia Hòa (Đoạn từ nội tiếp từ thôn Khán sang thôn Phe + hạng mục phụ trợ trường tiểu học)	Xã Yên Kiêu	C	UBND xã Yên Kiêu ngày 08/10/2019	406,3	40,2	40,2												40,2	40,2					40,2	100,0%						
19	Cải tạo nghĩa trang liệt sĩ xã Gia Hòa	Xã Yên Kiêu	C	UBND xã Yên Kiêu ngày 08/5/2019	2.275,0	217,0	217,0												217,0	217,0					217,0	100,0%						
20	Cải tạo, nâng cấp sân, vỉa hè, nhà xe giáo viên Trường Tiểu học Trưng Khánh, huyện Gia Lộc	Xã Yên Kiêu	C	UBND xã Yên Kiêu ngày 02/07/2019	888,4	388,0	388,0												388,0	388,0					388,0	100,0%						
21	Xây dựng cải tạo nhà lớp học 2 tầng, 8 phòng và các hạng mục phụ trợ Trường THCS Gia Hòa	Xã Yên Kiêu	C	UBND xã Yên Kiêu ngày 17/10/2018	729,0	187,9	187,9												187,9	187,9					187,9	100,0%						
22	Nhà xe, nhà thư viện Trường Tiểu học Yên Kiêu	Xã Yên Kiêu	C	UBND xã Yên Kiêu ngày 08/7/2020	871,5	192,8	192,8												192,8	192,8					192,8	100,0%						
23	Cải tạo nghĩa trang liệt sĩ xã Yên Kiêu (Điểm Yên Kiêu)	Xã Yên Kiêu	C	UBND xã Yên Kiêu ngày 28/10/2020	5.762,0	4.033,1	4.033,1												4.033,1	4.033,1					4.033,1	100,0%						
24	Trường tiểu học Trưng Khánh - Hạng mục nhà vệ sinh học sinh	Xã Yên Kiêu	C	UBND xã Yên Kiêu ngày 02/06/2022	664,0	622,2	622,2												622,2	622,2					622,2	100,0%						
25	Xây dựng, cải tạo nhà bao vệ, nhà để xe, nhà vệ sinh và tường rào trụ sở UBND xã Yên Kiêu, huyện Gia Lộc	Xã Yên Kiêu	C	UBND xã Yên Kiêu ngày 19/05/2023	1.038,0	958,3	958,3												958,3	958,3					958,3	100,0%						
26	Lát nền sân sau và cải tạo các hạng mục phụ trợ trường THCS Gia Hòa, xã Yên Kiêu	Xã Yên Kiêu	C	UBND xã Yên Kiêu ngày 26/05/2023	648,7	598,7	598,7												598,7	598,7					598,7	100,0%						
27	Cải tạo sân, rãnh thoát nước trụ sở UBND xã Yên Kiêu	Xã Yên Kiêu	C	UBND xã Yên Kiêu ngày 24/05/2023	1.146,0	1.057,2	1.057,2												1.057,2	1.057,2					1.057,2	100,0%						
28	Xây dựng công trường, nhà xe giáo viên, chống nóng mái nhà hiệu bộ và cải tạo sân trường THCS Yên Kiêu (Điểm Gia Hòa cũ)	Xã Yên Kiêu	C	UBND xã Yên Kiêu ngày 07/04/2021	1.126,0	296,9	296,9												296,9	296,9					296,9	100,0%						
29	Sân vận động Phường Xã Yên Kiêu	Xã Yên Kiêu	C	UBND xã Yên Kiêu ngày 12/10/2021	663,0	259,3	259,3												259,3	259,3					259,3	100,0%						
30	Cải tạo, nâng cấp đường thôn Khuông Phú, xã Yên Kiêu (Đoạn từ nhà Ông Tác đến Ông Hợp)	Xã Yên Kiêu	C	UBND xã Yên Kiêu ngày 29/05/2021	472,4	384,5	384,5												384,5	384,5					384,5	100,0%						
31	Xây dựng trụ sở làm việc công an xã Yên Kiêu, hạng mục nhà làm việc 3 tầng	Xã Yên Kiêu	C	UBND xã Yên Kiêu ngày 16/06/2023	7.437,0	3.581,0	3.581,0												3.581,0	3.581,0					3.581,0	100,0%						

STT	Danh mục công trình/dự án	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư dự án (điều chỉnh lần cuối, nếu có)		Kế hoạch vốn NSDP năm 2025 đã giao đến 30/06/2025										Phân bổ, điều chỉnh tăng, giảm (-) kế hoạch vốn năm 2025						Kế hoạch vốn năm 2025 sau phân bổ, điều chỉnh						Đã giải ngân đến 30/6/2025	Đạt tỉ lệ giải ngân vốn ngân năm 2025	Kế hoạch giải ngân vốn còn lại năm 2025	
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Bao gồm:					Tổng số	Bao gồm:					Tổng số	Vốn thu tiền sử dụng đất NSX	Bao gồm:			Tổng số	Vốn thu tiền sử dụng đất NSX	Tăng thu tiết kiệm chi	Nguồn khác	Ngân sách huyện				Bổ sung có mục tiêu NS tỉnh
								Vốn thu tiền sử dụng đất NSX	Tăng thu tiết kiệm chi	Nguồn khác	Ngân sách huyện	Bổ sung có mục tiêu NS tỉnh		Vốn thu tiền sử dụng đất NSX	Tăng thu tiết kiệm chi	Nguồn khác	Ngân sách huyện	Bổ sung có mục tiêu NS tỉnh														
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	24	25	26								
32	Xây dựng nhà vệ sinh giáo viên, tường rào, vỉa hè trường tiểu học Trùng Khánh, huyện Gia Lộc	Xã Yết Kiêu	C	UBND xã Yết Kiêu	4059/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	1.148,0	276,8				276,8						276,8					276,8		100,0%								
33	Xây dựng tường rào phía sau trường tiểu học Trùng Khánh, huyện Gia Lộc	Xã Yết Kiêu	C	UBND xã Yết Kiêu	26/10/2018	596,0	495,1				495,1						495,1					495,1		100,0%								
34	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè, lề đường trước trường THCS Trùng Khánh	Xã Yết Kiêu	C	UBND xã Yết Kiêu	24/10/2018	416,0	308,5				308,5						308,5					308,5		100,0%								
35	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè, lề đường đoạn từ Bưu Điện đến trụ sở UBND xã Trùng Khánh	Xã Yết Kiêu	C	UBND xã Yết Kiêu	17/09/2019	999,5	530,2				530,2						530,2					530,2		100,0%								
36	Kiến cổ hóa kênh KC đoạn KO-KO +76 trạm bơm Trùng Khánh, huyện Gia Lộc	Xã Yết Kiêu	C	UBND xã Yết Kiêu	22/01/2019	472,0	406,5				406,5						406,5					406,5		100,0%								
37	Kiến cổ hóa kênh KC đoạn KO+200- KO+450 Trạm bơm Yết Kiêu, xã Yết Kiêu, huyện Gia Lộc	Xã Yết Kiêu	C	UBND xã Yết Kiêu	18/09/2020	985,7	104,4				104,4						104,4					104,4		100,0%								
38	Xây dựng, cải tạo các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Yết Kiêu, huyện Gia Lộc	Xã Yết Kiêu	C	UBND xã Yết Kiêu	16/11/2020	2.390,0	280,6				280,6						280,6					280,6		100,0%								
39	Nhà đa năng trường tiểu học Trùng Khánh, huyện Gia Lộc	Xã Yết Kiêu	C	UBND xã Yết Kiêu	2387/QĐ-UBND ngày 30/07/2020	5.826,0	69,7			69,7							69,7			69,7				100,0%								
40	Kiến cổ hóa kênh KC đoạn KO+30- KO+200 trạm bơm Yết Kiêu	Xã Yết Kiêu	C	UBND xã Yết Kiêu	2387/QĐ-UBND ngày 30/07/2019	803,1	48,1			48,1							48,1					48,1		100,0%								
II	Xã Thống Nhất	Xã Thống Nhất				27.106,8	3.725,9	867,9	-	147,7	225,7	-	-	-	-	-	3.725,9	867,9	-	147,7	225,7	2.484,6	3.725,9	100,0%								
41	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT đoạn từ nhà bà bat đến cổng 4 của thôn Qyn Huá và mở rộng đoạn đường của xã trạm bơm Thống Nhất	Xã Thống Nhất	c	UBND xã Thống Nhất	248/QĐ-UBND ngày 28/11/2024	424,7	395,3	395,3									395,3	395,3					395,3	100,0%								
42	Công, tường rào san lấp mặt bằng và hệ thống thoát nước UBND xã Thống Nhất	Xã Thống Nhất	c	UBND xã Thống Nhất	4971/QĐ-UBND ngày 22/10/2015	1.118,6	816,0	472,6									816,0	472,6		117,7	225,7		816,0	100,0%								
43	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Đuôi hàng mục Tiên tế, trung từ, Hậu cung, Tả vu, Hữu vu, Nghi môn nổi, sân nội từ, nhà bao che cổng	Xã Thống Nhất	C	UBND xã Thống Nhất	166/QĐ-UBND ngày 28/8/2023	14.980,0	664,1			30,0		634,1					664,1			30,0		634,1		100,0%								
44	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Thống Nhất đoạn từ nhà văn hóa thôn Vò Lương đến Chùa Vò	Xã Thống Nhất	C	UBND xã Thống Nhất	125/QĐ-UBND ngày 9/8/2022	7.271,0	155,2					155,2					155,2						155,2	100,0%								
45	Mái tôn che các dãy bàn hàng chợ Ty thôn Trung, xã Thống Nhất	Xã Thống Nhất	C	UBND xã Thống Nhất	898/QĐ-UBND ngày 20/12/2021	1.201,7	265,9					265,9					265,9						265,9	100,0%								
	Nhà vệ sinh, nhà xe CENV, sân đường + bồn hoa và vỉa hè UBND xã Thống Nhất	Xã Thống Nhất	C	UBND xã Thống Nhất	01a/QĐ-UBND ngày 05/01/2017	949,6	650,4					650,4					650,4						650,4	100,0%								

STT	Danh mục công trình/dự án	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư dự án (điều chỉnh lần cuối, nếu có)		Kế hoạch vốn NSDP năm 2025 đã giao đến 30/06/2025						Phân bổ, điều chỉnh tăng, giảm (-) kế hoạch vốn năm 2025						Kế hoạch vốn năm 2025 sau phân bổ, điều chỉnh						Đã giải ngân đến 30/6/2025	Đạt tỉ lệ giải ngân	Kế hoạch giải ngân vốn còn lại năm 2025
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Bao gồm:					Tổng số	Bao gồm:					Tổng số	Bao gồm:							
								Vốn thu tiền sử dụng đất NSX	Tăng thu tiết kiệm chi	Nguồn khác	Ngân sách huyện	Bổ sung có mục tiêu NS tính		Vốn thu tiền sử dụng đất NSX	Tăng thu tiết kiệm chi	Nguồn khác	Ngân sách huyện	Bổ sung có mục tiêu NS tính		Vốn thu tiền sử dụng đất NSX	Tăng thu tiết kiệm chi	Nguồn khác	Ngân sách huyện	Bổ sung có mục tiêu NS tính			
1	2. Nâng cấp, mở rộng đường giao thông từ Cầu thôn Thượng B1 2 đến khu nghĩa trang nhân dân mới Cao Block, xã Hà, diện chiếu sáng đường trục xã Yên Kiêu đoạn giáp đường ĐT.395 đến đường gom cao tốc QL5B, xã Yên Kiêu, TP Hải Phòng	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	24	25	26			
1		Xã Yên Kiêu	C	UBND xã Yên Kiêu		4.200,0						2.500,0	2.500,0				2.500,0	2.500,0						2.500,0			
2		Xã Yên Kiêu	C	UBND xã Yên Kiêu		3.800,0						2.000,0	2.000,0				2.000,0	2.000,0						2.000,0			
3		Xã Yên Kiêu	C	UBND xã Yên Kiêu		5.000,0						500,0	500,0				500,0	500,0						500,0			



BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CÔNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2025

Biểu số: 03

(Kèm theo Báo cáo số 89 /BC-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Yết Kiều)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Quyết định đầu tư			Giá trị quyết toán	Lũy kế đã thanh toán đến 31/12/2024	Kế hoạch vốn được giao năm 2025	Thực hiện giải ngân đến 30/06/2025						Ước thực hiện 6 tháng cuối năm	Ước thực hiện năm 2025	
		Số QĐ, ngày, tháng năm	Tổng mức đầu tư					Tổng cộng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Tiền đất NSX	Nguồn khác	Kế hoạch vốn kéo dài			
			Tổng số	Trong đó, chi phí GPMB												
TỔNG CỘNG			152.627,6		126.434,2	98.723,1	35.527,3	30.019,5	24.599,4	343,5	4.856,2	147,7	72,7	128.733,2	5.507,8	35.527,3
Yết Kiều			101.177,8	0,0	77.403,8	59.525,2	25.724,2	20.216,4	16.520,2	117,8	3.578,3	0,0	0,0	79.732,2	5.507,8	25.724,1
1	Xây mới, sửa chữa công hàng rào, lát sân, nhà cấp phát thuốc và các hạng mục phụ trợ khác trạm y tế xã Yết Kiều	67/QĐ-UBND ngày 6/12/2017	833,8		785,9	660,0	125,9	125,9			125,9			785,9	0,0	125,9
2	Cải tạo mái chống nóng nhà khám chữa bệnh, xây dựng nhà bếp,lò đốt rác, sân sau trạm y tế	126/QĐ-UBND ngày 11/8/2020	484,6		455,0	428,0	27,0	27,0			27,0			455,0	0,0	27,0
3	Đón nguyên II nhà lớp học 2T8P trường Mầm non Yết Kiều	4041/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	5.052,0		4.646,6	4.618,4	28,1	28,1			28,1			4.646,5	0,0	28,1
4	Nhà bảo vệ trường mầm non Gia Hòa xã Yết Kiều	39/QĐ-UBND ngày 03/5/2024	119,7		96,5	0,0	96,5	96,5			96,5			96,5	0,0	96,5
5	Hệ thống chiếu sáng công cộng đoạn từ trạm y tế đến bãi đỗ xe Đền Quất xã Yết Kiều	196/QĐ-UBND ngày 27/10/2020	607,8		599,3	519,0	80,3	80,3			80,3			599,3	0,0	80,3
6	Lắp đặt biển trụ công và đá non bộ trụ số UBND xã Yết Kiều	145/QĐ-UBND ngày 10/9/2020	406,8		401,1	364,0	37,1	37,1			37,1			401,1	0,0	37,1
7	Cải tạo, sửa chữa trạm y tế xã Yết Kiều, huyện Gia Lộc	2076/QĐ-UBND ngày 24/10/2017	1.197,0		1.068,2	900,0	168,2	168,2			168,2			1.068,2	0,0	168,2
8	Đón nguyên I nhà lớp học 2T8P trường Mầm non Yết Kiều	3067/QĐ-UBND ngày 25/9/2018	4.785,0		4.430,1	4.408,5	21,6	21,6			21,6			4.430,1	0,0	21,6
9	Nhà lớp học 2T4P Mầm trường Mầm non Gia Hòa, huyện Gia Lộc	UBND ngày 08/08/2017	4.024,0		3.403,8	3.248,5	155,3	155,3			155,3			3.403,8	0,0	155,3
10	Nhà lớp học 2T6P Mầm trường Mầm non Gia Hòa, huyện Gia Lộc	UBND ngày 25/06/2014	4.997,0		4.562,0	4.549,8	12,2	12,2			12,2			4.562,0	0,0	12,2
11	Nhà chức năng + hiện bộ 2T và các công trình phụ trợ trường Mầm non Gia Hòa, Gia Lộc, Hải Dương	UBND ngày 02/05/2018	5.392,0		4.527,9	4.250,9	277,0	277,0			277,0			4.527,9	0,0	277,0
12	Trường tiểu học Yết Kiều, Hạng mục : Nâng tầng 2 nhà thư viện và sửa chữa các hạng mục khác	8568/QĐ-UBND ngày 12/10/2016	1.179,0		1.141,2	1.002,0	139,3	139,3			139,3			1.141,2	0,0	139,3
13	Nhà lớp học 2T4P và sân trường tiểu học Gia Hòa	UBND ngày 16/05/2017	3.020,0		2.636,1	2.484,2	151,8	151,8			151,8			2.636,0	0,0	151,8
14	Xây dựng nhà một cửa một tầng UBND xã Yết Kiều	3162a/QĐ-UBND ngày 24/10/2017	1.146,0		1.125,1	1.043,8	81,4	81,4			81,4			1.125,2	0,0	81,4
15	Cải tạo sân, công trụ số UBND xã Yết Kiều và các hạng mục phụ trợ khác	4310/QĐ-UBND ngày 12/12/2017	1.217,0		1.118,6	940,0	178,6	178,6			178,6			1.118,6	0,0	178,6
16	Cải tạo nhà một cửa UBND xã Yết Kiều, huyện Gia Lộc	147/QĐ-UBND ngày 19/10/2022	307,5		283,5	270,0	13,5	13,5			13,5			283,5	0,0	13,5
17	Đường giao thông nông thôn xã Gia Hòa (Đoạn từ thôn Khán sang thôn Phe)	85a/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	539,2		531,5	504,0	27,5	27,5			27,5			531,5	0,0	27,5

STT	Đanh mục nhiệm vụ, dự án	Quyết định đầu tư			Giá trị quyết toán	Lũy kế đã thanh toán đến 31/12/2024	Kế hoạch được giao năm 2025	Thực hiện giải ngân đến 30/06/2025					Lũy kế vốn đã thanh toán đến 30/06/2025	Ước thực hiện 6 tháng cuối năm	Ước thực hiện năm 2025
		Số QĐ, ngày, tháng năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó, chi phí GPMB				Tổng cộng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Tiền đất NSX	Nguồn khác			
18	Đường giao thông nông thôn xã Gia Hòa (Đoạn từ nối tiếp từ thôn Khán sang thôn Phe + hạng mục phụ trợ trường tiểu học)	92/QĐ-UBND ngày 08/10/2019	406,3		382,0	341,8	40,2	40,2			40,2		382,0	0,0	40,2
19	Cải tạo nghĩa trang liệt sĩ xã Gia Hòa	1393/QĐ-UBND ngày 08/5/2019	2.275,0		2.107,0	1.890,0	217,0	217,0			217,0		2.107,0	0,0	217,0
20	Cải tạo nghĩa trang liệt sĩ xã Yết Kiêu (điểm Trùng Khánh)	QĐ số 27/QĐ-UBND ngày 08/03/2022	3.778,1		3.552,0	1.143,2	1.700,0	1.700,0			1.700,0		2.843,2	415,8	2.115,8
21	Cải tạo, nâng cấp sân, vỉa hè, nhà xe giáo viên Trường Tiểu học Trùng Khánh, huyện Gia Lộc	QĐ số 30/QĐ-UBND ngày 02/07/2019	888,4		838,0	450,0	388,0	388,0	388,0				838,0	0,0	388,0
22	Xây dựng, cải tạo nhà lớp học 2 tầng, 8 phòng và các hạng mục phụ trợ Trường THCS Gia Hòa	QĐ số 72/QĐ-UBND ngày 17/10/2018	729,0		687,9	500,0	187,9	187,9	187,9				687,9	0,0	187,9
23	Nhà xe, nhà thư viện Trường tiểu học Yết Kiêu	91/QĐ-UBND ngày 08/7/2020	871,5		938,5	745,7	192,8	192,8	192,8				938,5	0,0	192,8
24	Xây dựng, cải tạo các hạng mục phụ trợ Trường Trung học cơ sở Yết Kiêu, huyện Gia Lộc	QĐ số 215/QĐ-UBND ngày 25/11/2020	1.719,0		1.667,5	1.500,0	167,5	167,5	167,5				1.658,1	0,0	167,5
25	Cải tạo nghĩa trang liệt sĩ xã Yết Kiêu (Điểm Yết Kiêu)	QĐ số 199a ngày 28/10/2020	5.762,0		5.421,2	1.388,1	4.033,1	4.033,1	4.033,1				5.421,2	0,0	4.033,1
26	Trường tiểu học Trùng Khánh ; Hạng mục nhà vệ sinh học sinh	QĐ số 101/QĐ-UBND ngày 02/06/2022	664,0		622,2	0,0	622,2	622,2	622,2				622,2	0,0	622,2
27	Xây dựng, cải tạo nhà bảo vệ, nhà để xe, nhà vệ sinh và tường rào trụ sở UBND xã Yết Kiêu, huyện Gia Lộc	QĐ số 45/QĐ-UBND ngày 19/05/2023	1.038,0		958,3	0,0	958,3	958,3	958,3				958,3	0,0	958,3
28	Lát nền sân sau và cải tạo các hạng mục phụ trợ trường THCS Gia Hòa, xã Yết Kiêu	QĐ số 53/QĐ-UBND ngày 26/05/2023	648,7		598,7	0,0	598,7	598,7	598,7				598,7	0,0	598,7
29	Cải tạo sân, rãnh thoát nước trụ sở UBND xã Yết Kiêu	QĐ số 51/QĐ-UBND ngày 24/05/2023	1.146,0		1.057,2	0,0	1.057,2	1.057,2	1.057,2				1.057,2	0,0	1.057,2
30	Xây dựng công trường, nhà xe giáo viên, chống nong mái nhà hiệu bộ và cải tạo sân trường THCS Yết Kiêu (Điểm Gia Hòa cũ)	QĐ số 50/QĐ-UBND ngày 07/04/2021	1.126,0		1.096,9	800,0	296,9	296,9	296,9				1.096,9	0,0	296,9
31	Sân vận động Phương Xá	QĐ số 202/QĐ-UBND ngày 12/10/2021	663,0		620,1	360,8	259,3	259,3	259,3				620,1	0,0	259,3
32	Cải tạo, nâng cấp đường thôn Khương Phú, xã Yết Kiêu (Đoàn từ nhà Ông Tác đến Ông Hợp)	QĐ số 114/QĐ-UBND ngày 29/05/2021	472,4		384,5	0,0	384,5	384,5	384,5				384,5	0,0	384,5
33	Xây dựng trụ sở làm việc công an xã Yết Kiêu, hạng mục nhà làm việc 3 tầng	Số 57/QĐ-UBND ngày 16/06/2023	7.437,0		6.581,0	3.000,0	3.581,0	3.581,0	3.581,0				6.581,0	0,0	3.581,0
34	Xây dựng nhà vệ sinh giáo viên, tường rào, vỉa hè trường tiểu học Trùng Khánh, huyện Gia Lộc	QĐ số 4059/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	1.148,0		976,8	700,0	276,8	276,8	276,8				976,8	0,0	276,8
35	Xây dựng tường rào phía sau trường tiểu học Trùng Khánh, huyện Gia Lộc	QĐ số 51/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	596,0		495,1	0,0	495,1	495,1	495,1				495,1	0,0	495,1

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Quyết định đầu tư				Giá trị quyết toán	Lũy kế đã thanh toán đến 31/12/2024	Kế hoạch vốn được giao năm 2025	Thực hiện giải ngân đến 30/06/2025						Lũy kế vốn đã thanh toán đến 30/06/2025	Ước thực hiện 6 tháng cuối năm	Ước thực hiện năm 2025
		Số QĐ, ngày, tháng năm	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng				Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Tiền đất NSX	Nguồn khác	Kế hoạch vốn kéo dài				
			Tổng số	Trong đó, chi phí GPMB													
		QĐ số 47/QĐ-UBND ngày 24/10/2018			308,5	0,0	308,5	308,5					308,5	0,0	308,5		
36	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè, lề đường trước trường THCS Trưng Khánh	QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 17/09/2019	999,5		980,2	450,0	530,2	530,2					980,2	0,0	530,2		
37	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè, lề đường đoạn từ Bưu Điện đến trụ sở UBND xã Trưng Khánh	QĐ số 03/QĐ-UBND ngày 22/01/2019	472,0		406,5	0,0	406,5	406,5					406,5	0,0	406,5		
38	Kiến cổ hóa kênh KC đoạn K0-K0 +76 trạm bơm Trưng Khánh, huyện Gia Lộc	QĐ số 1437/QĐ-UBND ngày 10/04/2018	6.368,7		5.953,8	5.048,4	964,0	905,4	905,4				5.953,8	58,6	964,0		
39	Nhà liêu bộ + Nhà lớp học bộ môn trường THCS Gia Hòa, huyện Gia Lộc	QĐ số 1989/QĐ-UBND ngày 01/07/2019	3.240,0			2.670,8	518,7	485,3	485,3				3.156,1	33,4	518,7		
40	Cổng tường rào và các hạng mục phụ trợ Trường mầm non Yết Kiêu	QĐ số 110/QĐ-UBND ngày 18/09/2020	985,7		804,4	700,0	104,4	104,4	104,4				804,4	0,0	104,4		
41	Kiến cổ hóa kênh KC đoạn K0+200-K0+450 Trạm bơm Yết Kiêu, xã Yết Kiêu, huyện Gia Lộc	QĐ số 209/QĐ-UBND ngày 16/11/2020	2.390,0		2.390,0	2.000,0	280,6	280,6	280,6				2.280,6	0,0	280,6		
42	Xây dựng, cải tạo các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Yết Kiêu, huyện Gia Lộc	QĐ số 2387/QĐ-UBND ngày 30/07/2020	5.826,0		5.015,2	4.945,5	69,7	69,7	69,7				5.015,2	0,0	69,7		
43	Nhà đa năng trường tiểu học Trưng Khánh, huyện Gia Lộc	QĐ số 2387/QĐ-UBND ngày 30/07/2019	803,1		748,1	700,0	48,1	48,1	48,1				748,1	0,0	48,1		
44	Kiến cổ hóa kênh KC đoạn K0+30 -K0+200 trạm bơm Yết Kiêu		4.200,0				2.500,0	0,0						2.500,0	2.500,0		
45	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông từ Cầu thôn Thượng Bì 2 đến khu nghĩa trang nhân dân mới		3.800,0				2.000,0	0,0						2.000,0	2.000,0		
46	Cải tạo block, vỉa hè, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng trục đường ĐT.395 xã Yết Kiêu (đoạn từ hộ gia đình Quy Tiềm đến hộ gia đình Toán Thủy)		5.000,0				500,0	0,0						500,0	500,0		
47	Thống Nhất		27.106,8	0,0	25.979,6	22.224,4	3.725,9	3.725,9	2.484,6	225,7	867,9	147,7	0,0	25.950,2	0,0	3.725,9	
	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT đoạn từ nhà bà бат đến công 4 cửa thôn Quỳnh Huế và mở rộng đoạn đường cửa xã trạm bơm Thống Nhất	248/QĐ-UBND ngày 28/11/2024	424,7		395,3	0,0	395,3	395,3					395,3	0,0	395,3		
45	Công, tường rào san lấp mặt bằng và hệ thống thoát nước UBND xã Thống Nhất	4971/QĐ-UBND ngày 22/10/2015	1.118,6		1.022,4	192,6	816,0	816,0		225,7	472,6	117,7		1.008,6	0,0	816,0	
46	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Đuối hàng mục Tiền tế, trung từ, Hậu cung, Tả vu, Hữu vu, Nghi môn nội, sân nội từ, nhà bao che công trình	166/QĐ-UBND ngày 28/8/2023	14.980,0		14.464,2	13.800,0	664,1	664,1	634,1			30,0		14.464,1	0,0	664,1	

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Quyết định đầu tư			Giá trị quyết toán	Lũy kế đã thanh toán đến 31/12/2024	Kế hoạch vốn được giao năm 2025	Thực hiện giải ngân đến 30/06/2025						Lũy kế vốn đã thanh toán đến 30/06/2025	Ước thực hiện 6 tháng cuối năm	Ước thực hiện năm 2025
		Số QĐ, ngày, tháng năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó, chi phí GPMB				Tổng cộng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Tiền đất NSX	Nguồn khác	Kế hoạch vốn kéo dài			
48	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Thông Nhát đoạn từ nhà văn hóa thôn Vô Lương đến Chùa Vô	125/QĐ-UBND ngày 9/8/2022	7.271,0		7.011,2	6.856,0	155,2	155,2	155,2					7.011,2	0,0	155,2
49	Mãi tôn che các dãy bán hàng chợ Ty thôn Trung, xã Thông Nhát	898/QĐ-UBND ngày 20/12/2021	1.201,7		1.122,2	850,2	265,9	265,9	265,9					1.116,1	0,0	265,9
50	Nhà vệ sinh, nhà xe CBNV, sân đường + bồn hoa và vỉa hè UBND xã Thông Nhát	01a/QĐ-UBND ngày 05/01/2017	949,6		880,5	225,6	650,4	650,4	650,4					876,0	0,0	650,4
51	Xây dựng nhà vệ sinh nam, cầu tạo nhà vệ sinh nữ trường tiểu học Thông Nhát	74/QĐ-UBND ngày 6/5/2020	1.161,1		1.083,9	300,0	779,0	779,0	779,0					1.079,0	0,0	779,0
	Lê Lợi		24.342,9		23.050,8	16.973,5	6.077,3	6.077,3	5.594,6	0,0	410,0	0,0	72,7	23.050,8	0,0	6.077,3
52	Trụ sở Đảng ủy-HĐND-UBND xã Lê Lợi, huyện Gia Lộc; Hạng mục: Nhà làm việc Đảng ủy-HĐND và các Đoàn thể	3719/QĐ-UBND ngày 17/10/2018	3.958,5		3.691,2	1.827,0	1.864,2	1.864,2	1.864,2					3.691,2	0,0	1.864,2
53	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng trường Tiểu học Lê Lợi, Huyện Gia Lộc	02/QĐ-UBND ngày 14/01/2020	2.646,6		2.563,6	1.286,0	1.277,6	1.277,6	1.277,6					2.563,6	0,0	1.277,6
54	Nhà ăn bán trú trường tiểu học Lê Lợi	3967/QĐ-UBND ngày 23/10/2018	1.186,0		1.136,4	0,0	1.136,4	1.136,4	1.136,4					1.136,4	0,0	1.136,4
55	Nhà lớp học + chức năng 2 tầng trường Mầm non Lê Lợi, Huyện Gia Lộc	1446/QĐ-UBND ngày 11/4/2018	4.092,8		3.949,8	3.245,8	704,0	704,0	704,0					3.949,8	0,0	704,0
56	Nhà hiệu bộ 2 tầng trường Mầm non Lê Lợi, Huyện Gia Lộc	5065/QĐ-UBND ngày 22/11/2018	3.447,0		3.330,1	3.184,7	145,4	145,4	145,4					3.330,1	0,0	145,4
57	Xây mới nhà 1 cửa, Nhà bảo vệ, Nhà xe, tường rào, cải tạo nhà làm việc, hội trường trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND xã Lê Lợi, huyện Gia Lộc	07/QĐ-UBND ngày 03/2/2021 của UBND xã	3.010,6		2.937,0	2.470,0	467,0	467,0	467,0					2.937,0	0,0	467,0
58	Cải tạo sân vườn UBND xã Lê Lợi	1749/QĐ-UBND ngày 18/5/2018	417,0		375,6	305,3	70,3	70,3	70,3		70,3			375,6	0,0	70,3
59	Cải tạo sân công trường rào UBND xã Lê Lợi và các hạng mục phụ trợ khác	356/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	1.096,2		873,4	544,0	329,4	329,4	329,4		329,4			873,4	0,0	329,4
60	Sân vận động thôn Bùi Thượng, xã Lê Lợi	77/QĐ-UBND ngày 19/10/2021 của UBND xã	220,4		210,3	200,0	10,3	10,3	10,3		10,3			210,3	0,0	10,3
61	Đầu tư xây dựng một số tuyến đường giao thông xã Lê Lợi		4.267,7		3.983,5	3.910,7	72,7	72,7	72,7				72,7	3.983,5	0,0	72,7



DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG BỐ SỰNG NĂM 2025 VÀ GIAI ĐOẠN 2021-2025

Biểu số: 04

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	TỔNG KHAI TOÀN VỐN	VỐN ĐẦU NĂM 2025	BỔ SUNG VỐN NĂM 2025	GHI CHÚ
1	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông từ Cầu thôn Thượng Bì 2 đến khu nghĩa trang nhân dân mới	4.200,0	-	2.500,0	
2	Cải tạo block, vỉa hè, điện chiếu sáng đường trục xã Yết Kiêu đoạn giáp đường ĐT.395 đến đường gom cao tốc QL5B, xã Yết Kiêu, TP Hải Phòng	3.800,0		2.000,0	
3	Cải tạo block, vỉa hè, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng trục đường ĐT.395 xã Yết Kiêu (đoạn từ hộ gia đình Quy Tiêm đến hộ gia đình Toàn Thủy)	5.000,0		500,0	
TỔNG CỘNG		13.000,0	-	5.000,0	-



UBND XÃ YẾT KIÊU

Biểu số: 04

PHÂN BỐ VỐN NSDP NGUỒN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số: **89** /BC-UBND ngày **20** tháng 8 năm 2025 của UBND xã Yết Kiêu)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục công trình/dự án	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư dự án (điều chỉnh lần cuối, nếu có)		Dự kiến Kế hoạch vốn NSDP năm 2026		
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Vốn thu tiền sử dụng đất NSDP	Dự kiến bổ sung có mục tiêu Ngân sách tỉnh
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
VỐN NGÂN SÁCH CẤP XÃ (6)									
-	Công trình hoàn thành								
-	Công trình chuyển tiếp (3)					13.000,0	9.000,0	1.000,0	8.000,0
-	Công trình khởi công mới (6)					23.500,0	23.500,0	7.000,0	16.500,0
	Chỉ tiết các lĩnh vực:								
1	Lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo (2)					10.000,0	10.000,0	2.000,0	8.000,0
*	Công trình khởi công mới (2)					10.000,0	10.000,0	2.000,0	8.000,0
-	Nhà ăn bán trú trường tiểu học Trùng Khánh	UBND xã Yết Kiêu	C	UBND xã Yết Kiêu		2.000,0	2.000,0	1.000,0	1.000,0
-	Nhà đa năng trường THCS Yết Kiêu	UBND xã Yết Kiêu	C	UBND xã Yết Kiêu		8.000,0	8.000,0	1.000,0	7.000,0
2	Các hoạt động kinh tế (6)					21.500,0	17.500,0	4.500,0	13.000,0
2.1	Lĩnh vực Giao thông vận tải (2)					8.700,0	7.200,0	3.000,0	4.200,0
*	Công trình chuyển tiếp (1)					4.200,0	2.700,0	1.000,0	1.700,0
	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông từ Cầu thôn Thượng Bì 2 đến khu nghĩa trang nhân dân mới	UBND xã Yết Kiêu	C	UBND xã Yết Kiêu		4.200,0	2.700,0	1.000,0	1.700,0
*	Công trình khởi công mới (1)					4.500,0	4.500,0	2.000,0	2.500,0
-	Nâng cấp, xây dựng đường giao thông thôn Dồi Hống xã Yết Kiêu					4.500,0	4.500,0	2.000,0	2.500,0





STT	Danh mục công trình/dự án	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư dự án (điều chỉnh lần cuối, nếu có)		Dự kiến Kế hoạch vốn NSDP năm 2026		
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng	Vốn thu tiền sử dụng đất NSDP	Dự kiến bổ sung có mục tiêu Ngân sách tỉnh
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2.2	Lĩnh vực Kiến thiết thị chính (2)					8.800,0	6.300,0	-	6.300,0
*	Công trình chuyển tiếp (2)					8.800,0	6.300,0	-	6.300,0
-	Cải tạo block, vỉa hè, điện chiếu sáng đường trục xã Yết Kiêu đoạn giáp đường ĐT.395 đến đường gom cao tốc QL5B, xã Yết Kiêu, TP Hải Phòng	UBND xã Yết Kiêu	C	UBND xã Yết Kiêu		3.800,0	1.800,0		1.800,0
-	Cải tạo block, vỉa hè, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng trục đường ĐT.395 xã Yết Kiêu (đoạn từ hộ gia đình Quy Tiêm đến hộ gia đình Toán Thủy)	UBND xã Yết Kiêu	C	UBND xã Yết Kiêu		5.000,0	4.500,0		4.500,0
2.3	Sự nghiệp kinh tế khác (2)					4.000,0	4.000,0	1.500,0	2.500,0
	Trích 10% thu tiền sử dụng đất								
*	Công trình khởi công mới (2)					4.000,0	4.000,0	1.500,0	2.500,0
-	Lập quy hoạch chung xã Yết Kiêu giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035	UBND xã Yết Kiêu	C	UBND xã Yết Kiêu		3.000,0	3.000,0	1.000,0	2.000,0
-	Kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2026-2030	UBND xã Yết Kiêu	C	UBND xã Yết Kiêu		1.000,0	1.000,0	500,0	500,0
3	Lĩnh vực Văn hóa thông tin (1)					5.000,0	5.000,0	1.500,0	3.500,0
*	Công trình khởi công mới (1)					5.000,0	5.000,0	1.500,0	3.500,0
-	Tu sửa cấp thiết di tích đền Quát: Hạng mục: Tiền bái, Trung từ và Hậu cung, giải vũ, nhà văn chỉ, nhà trưng bày, đón tiếp, cổng chèo, tường bao nội tự, tường bao ngoại tự, hồ bán nguyệt	UBND xã Yết Kiêu	C	UBND xã Yết Kiêu		5.000,0	5.000,0	1.500,0	3.500,0